



Trung tâm
Hòa Giải
Việt Nam

NHẬN DIỆN VÀ ÁP DỤNG PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HIỆU QUẢ KHI CÁC BÊN KHÔNG ĐẠT ĐƯỢC THỎA THUẬN

Ông VŨ XUÂN PHONG

Phó Chủ tịch

Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)





PHÁP LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN QUY ĐỊNH VỀ SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

(1) CISG

MỤC IV: MIỄN TRÁCH

Điều 79:

1. Một bên không chịu trách nhiệm về việc không thực hiện bất kỳ một nghĩa vụ nào đó của họ nếu chứng minh được rằng việc không thực hiện ấy là do một trở ngại nằm ngoài sự kiểm soát của họ và người ta không thể chờ đợi một cách hợp lý rằng họ phải tính tới trở ngại đó vào lúc ký kết hợp đồng hoặc là tránh được hay khắc phục các hậu quả của nó.

[...]

3. Sự miễn trách được quy định tại điều này chỉ có hiệu lực trong thời kỳ tồn tại trở ngại đó. [...]

(2) HAGUE VISBY 1968

Điều IV

1. Cả người chuyên chở lẫn tàu đều không phải chịu trách nhiệm đối với những mất mát hoặc thiệt hại phát sinh hoặc là hệ quả của việc tàu không có đủ khả năng đi biển, trừ khi tình trạng này là do người chuyên chở thiếu sự cần mẫn thích đáng trong việc làm cho tàu có đủ khả năng đi biển và đảm bảo cho tàu được biên chế, trang bị và cung ứng thích hợp và làm cho các hầm tàu, phòng lạnh và phát lạnh và tất cả các bộ phận khác của tàu dùng để chở hàng thích hợp và an toàn cho việc tiếp nhận, chuyên chở và bảo quản hàng hoá phù hợp với những qui định của Điều III đoạn 1. Khi có mất mát hoặc hư hỏng hàng hoá do tàu không đủ khả năng đi biển, người chuyên chở hoặc bất kỳ người nào khác muốn được miễn trách nhiệm theo quy định tại Điều này có nghĩa vụ chứng minh rằng đã thực hiện sự cần mẫn thích đáng.

2. Cả người chuyên chở lẫn tàu không chịu trách nhiệm về mất mát hay hư hỏng phát sinh hoặc là hệ quả của: [...]

3. Người gửi hàng không chịu trách nhiệm đối với những mất mát hay hư hỏng gây ra cho người chuyên chở hoặc tàu xuất phát từ hoặc là hệ quả của bất kỳ nguyên nhân nào không có hành vi, lỗi hoặc sơ suất của người gửi hàng, các đại lý hoặc người phục vụ của người gửi hàng.



PHÁP LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN QUY ĐỊNH VỀ SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

(3) ICC

ICC FORCE MAJEURE CLAUSE 2020

Definition. “Force Majeure” means the occurrence of an event or circumstance (“Force Majeure Event”) that prevents or impedes a party from performing one or more of its contractual obligations under the contract, if and to the extent that the party affected by the impediment (“the Affected Party”) proves: a) that such impediment is beyond its reasonable control; and b) that it could not reasonably have been foreseen at the time of the conclusion of the contract; and c) that the effects of the impediment could not reasonably have been avoided or overcome by the Affected Party.

3/ Presumed FME. In the absence of proof to the contrary, the following events affecting a party shall be presumed to fulfil conditions (a) and (b) under paragraph 1 of this Clause, and the Affected Party only needs to prove that condition (c) of paragraph 1 is satisfied:

The Presumed FME commonly qualify as Force Majeure. It is therefore presumed that in the presence of one or more of these events the conditions of Force Majeure are fulfilled, and the Affected Party need not prove the conditions (a) and (b) of paragraph 1 of this Clause (i.e. that the event was out of its control and unforeseeable), leaving to the other party the burden of proving the contrary. The party invoking Force Majeure must in any case prove the existence of condition (c), i.e. that the effects of the impediment could not reasonably have been avoided or overcome.

a) war (whether declared or not), hostilities, invasion, act of foreign enemies, extensive military mobilisation;

b) civil war, riot, rebellion and revolution, military or usurped power, insurrection, act of terrorism, sabotage or piracy;

c) currency and trade restriction, embargo, sanction;

d) act of authority whether lawful or unlawful, compliance with any law or governmental order, expropriation, seizure of works, requisition, nationalisation; .

e) plague, epidemic, natural disaster or extreme natural event;

f) explosion, fire, destruction of equipment, prolonged break-down of transport, telecommunication, information system or energy;

g) general labour disturbance such as boycott, strike and lock-out, go-slow, occupation of factories and premises.

Parties may add or delete events from the list. Parties are reminded that adding new events to the list does not relieve them from proving that condition (c) of paragraph 1 is satisfied. 4. Notification. The Affected Party shall give notice of the event without delay to the other party.

4. **Notification.** The Affected Party shall give notice of the event without delay to the other party

5. **Consequences of Force Majeure.** A party successfully invoking this Clause is relieved from its duty to perform its obligations under the Contract and from any liability in damages or from any other contractual remedy for breach of contract, from the time at which the impediment causes inability to perform, provided that the notice thereof is given without delay. If notice thereof is not given without delay, the relief is effective from the time at which notice thereof reaches the other party. The other party may suspend the performance of its obligations, if applicable, from the date of the notice.

ICC Force Majeure and Hardship Clauses | 3 The main purpose of this paragraph is to clarify that the Affected Party is relieved from the performance of the obligations subject to Force Majeure from the occurrence of the impediment, provided that a timely notice is given.



6. **Temporary impediment.** Where the effect of the impediment or event invoked is temporary, the consequences set out under paragraph 5 above shall apply only as long as the impediment invoked prevents performance by the Affected Party of its contractual obligations. The Affected Party must notify the other party as soon as the impediment ceases to impede performance of its contractual obligations.

7. Duty to mitigate. The Affected Party is under an obligation to take all reasonable measures to limit the effect of the event invoked upon performance of the contract.

8. Contract termination. Where the duration of the impediment invoked has the effect of substantially depriving the contracting parties of what they were reasonably entitled to expect under the contract, either party has the right to terminate the contract by notification within a reasonable period to the other party. Unless otherwise agreed, the parties expressly agree that **the contract may be terminated by either party if the duration of the impediment exceeds 120 days.**

This paragraph 8 establishes a general rule for determining in each particular case when the duration of the impediment is unsustainable and entitles the parties to terminate the contract. In order to increase certainty and foreseeability, a maximum duration of 120 days has been provided, which can of course be changed by agreement of the parties at any time according to their needs



9. Unjust enrichment. Where paragraph 8 above applies and where either contracting party has, by reason of anything done by another contracting party in the performance of the contract, derived a benefit before the termination of the contract, the party deriving such a benefit shall pay to the other party a sum of money equivalent to the value of such benefit.



I.

PHÁP LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN QUY ĐỊNH VỀ SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG

VIAC

(3) ICC

ICC HARDSHIP CLAUSE (“Clause”)

Since one of the most disputed issues is whether it is appropriate to have the contract adapted by a third party (judge, arbitrator) in case the parties are unable to agree on a negotiated solutions, the clause provides two options between which the parties must choose: adaptation or termination.

1. A party to a contract is bound to perform its contractual duties even if events have rendered performance more onerous than could reasonably have been anticipated at the time of the conclusion of the contract.

2. Notwithstanding paragraph 1 of this Clause, where a party to a contract proves that:

- a) the continued performance of its contractual duties has become excessively onerous due to an event beyond its reasonable control which it could not reasonably have been expected to have taken into account at the time of the conclusion of the contract; **and that**
- b) it could not reasonably have avoided or overcome the event or its consequences, the parties are bound, within a reasonable time of the invocation of this Clause, to negotiate alternative contractual terms which reasonably allow to overcome the consequences of the event.

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM LIÊN QUAN ĐẾN SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG (BKK)

(1) BỘ LUẬT DÂN SỰ 2015

- **Điều 156.** Thời gian không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, thời hiệu yêu cầu giải quyết việc dân sự là khoảng thời gian xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

1. **Sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan** làm cho chủ thể có quyền khởi kiện, quyền yêu cầu không thể khởi kiện, yêu cầu trong phạm vi thời hiệu.

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

Trở ngại khách quan là những trở ngại do hoàn cảnh khách quan tác động làm cho người có quyền, nghĩa vụ dân sự không thể biết về việc quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm hoặc không thể thực hiện được quyền, nghĩa vụ dân sự của mình;

- **Điều 351.**

[...] 2. Trường hợp bên có nghĩa vụ không thực hiện đúng nghĩa vụ **do sự kiện bất khả kháng** thì không phải chịu trách nhiệm dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

- **Điều 584. Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại**

[...] 2. Người gây thiệt hại không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp thiệt hại phát sinh là do sự kiện bất khả kháng hoặc hoàn toàn do lỗi của bên bị thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

(2) LUẬT THƯƠNG MẠI 2005

- **Điều 237.** Các trường hợp miễn trách nhiệm đối với thương nhân kinh doanh dịch vụ logistics (“TNKDDV”)

1. Ngoài những trường hợp miễn TN quy định tại Điều 294 của Luật này, TNKDDV logistics không phải chịu TN về những tổn thất đối với HH phát sinh trong các trường hợp sau đây:

- a) Tổn thất là do lỗi của KH hoặc của người được khách hàng uỷ quyền;
- b) Tổn thất phát sinh do TNKDDV logistics làm đúng theo những chỉ dẫn của KH hoặc của người được KH uỷ quyền;
- c) Tổn thất là do khuyết tật của hàng hoá;
- d) Tổn thất phát sinh trong những trường hợp miễn trách nhiệm theo quy định của pháp luật và tập quán vận tải nếu TNKDDV logistics tổ chức vận tải;
- đ) TNKDDV logistics không nhận được thông báo về khiếu nại trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày TNKDDV logistics giao hàng cho người nhận;
- e) Sau khi bị khiếu nại, TNKDDV logistics không nhận được thông báo về việc bị kiện tại Trọng tài hoặc Tòa án trong thời hạn 9 tháng, kể từ ngày giao hàng.

- **Điều 294.** Các trường hợp miễn trách nhiệm đối với hành vi vi phạm

1. Bên vi phạm HĐ được miễn trách nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Xảy ra trường hợp miễn trách nhiệm mà các bên đã thoả thuận;
- b) Xảy ra sự kiện bất khả kháng;
- c) Hành vi vi phạm của một bên hoàn toàn do lỗi của bên kia;
- d) Hành vi vi phạm của một bên do thực hiện quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền mà các bên không thể biết được vào thời điểm giao kết hợp đồng.

2. Bên vi phạm HĐ có nghĩa vụ chứng minh các trường hợp miễn trách nhiệm

(2) LUẬT THƯƠNG MẠI 2005

- **Điều 295.** Thông báo và xác nhận trường hợp miễn trách nhiệm
 1. Bên vi phạm hợp đồng phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia về trường hợp được miễn trách nhiệm và những hậu quả có thể xảy ra.
 2. Khi trường hợp miễn trách nhiệm chấm dứt, bên vi phạm hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết; nếu bên vi phạm không thông báo hoặc thông báo không kịp thời cho bên kia thì phải bồi thường thiệt hại.
 3. Bên vi phạm có nghĩa vụ chứng minh với bên bị vi phạm về trường hợp miễn trách nhiệm của mình.

- **Điều 296.** Kéo dài thời hạn, từ chối thực hiện hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng

1. Trong trường hợp bất khả kháng, các bên có thể thỏa thuận kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ hợp đồng; nếu các bên không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì thời hạn thực hiện nghĩa vụ hợp đồng được tính thêm một thời gian bằng thời gian xảy ra trường hợp bất khả kháng cộng với thời gian hợp lý để khắc phục hậu quả, nhưng không được kéo dài quá các thời hạn sau đây:

- a) Năm tháng đối với hàng hoá, dịch vụ mà thời hạn giao hàng, cung ứng dịch vụ được thỏa thuận không quá mười hai tháng, kể từ khi giao kết HĐ;
- b) Tám tháng đối với hàng hoá, dịch vụ mà thời hạn giao hàng, cung ứng dịch vụ được thỏa thuận trên mười hai tháng, kể từ khi giao kết hợp đồng.

2. Trường hợp kéo dài quá các thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, các bên có quyền từ chối thực hiện hợp đồng và không bên nào có quyền yêu cầu bên kia bồi thường thiệt hại.

[...]



Điều 192. Chấm dứt hợp đồng không phải bồi thường

1. Các bên tham gia hợp đồng có quyền chấm dứt HĐ mà không phải bồi thường, nếu trước khi tàu biển bắt đầu rời khỏi nơi bốc hàng đã xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- a) **Chiến tranh** đe dọa sự an toàn của tàu biển hoặc hàng hóa; cảng nhận hàng hoặc cảng trả hàng được công bố bị phong tỏa;
- b) **Tàu biển bị bắt giữ** hoặc tạm giữ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của các bên tham gia hợp đồng;
- c) Tàu biển bị Nhà nước **trưng dụng**;
- d) **Có lệnh cấm vận chuyển hàng hóa** ra khỏi cảng nhận hàng hoặc đến cảng trả hàng.



Điều 150. Nghĩa vụ của người vận chuyển

Người vận chuyển phải **mẫn cán để trước và khi bắt đầu chuyển đi, tàu biển có đủ khả năng đi biển**, có thuyền bộ thích hợp, được cung ứng đầy đủ trang thiết bị và vật phẩm dự trữ; các hầm hàng, hầm lạnh và khu vực khác dùng để vận chuyển hàng hóa có đủ các điều kiện nhận, vận chuyển và bảo quản hàng hóa phù hợp với tính chất của hàng hóa.

Điều 151. Miễn trách nhiệm của người vận chuyển

1. Người vận chuyển **không phải chịu trách nhiệm bồi thường** đối với mất mát, hư hỏng hàng hóa do việc tàu biển không đủ khả năng đi biển, nếu đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quy định tại Điều 150 của Bộ luật này. Trong trường hợp này, người vận chuyển có nghĩa vụ chứng minh đã thực hiện nhiệm vụ một cách cẩn thận.



2. Người vận chuyển được miễn hoàn toàn trách nhiệm, nếu tổn thất hàng hóa xảy ra trong trường hợp sau đây:

- a) **Lỗi của thuyền trưởng, thuyền viên, hoa tiêu hàng hải** hoặc người làm công của người vận chuyển **trong việc điều khiển hoặc quản trị tàu;**
- b) **Hỏa hoạn** không do người vận chuyển gây ra;
- c) **Thảm họa hoặc tai nạn hàng hải trên biển**, vùng nước cảng biển mà tàu biển được phép hoạt động;
- d) **Thiên tai;**
- đ) **Chiến tranh;**
- e) **Hành động xâm phạm trật tự và an toàn công cộng** mà bản thân người vận chuyển không gây ra;
- g) **Hành động bắt giữ** của người dân hoặc **cưỡng chế của Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền** khác;
- h) **Hạn chế về phòng dịch;**
- i) Hành động hoặc sự sơ suất của người giao hàng, chủ sở hữu hàng, đại lý hoặc đại diện của họ;
- k) **Đình công** hoặc các hành động tương tự khác của NLD do bất kỳ nguyên nhân nào làm đình trệ hoàn toàn hoặc một phần công việc;
- l) **Bạo động** hoặc gây rối;
- m) **Hành động cứu người hoặc cứu tài sản trên biển;**
- n) **Hao hụt về KL, trọng lượng hoặc mất mát, hư hỏng khác** của HH xảy ra do chất lượng, khuyết tật ẩn tỳ hoặc khuyết tật khác của hàng hóa;



(3) BỘ LUẬT HÀNG HẢI VIỆT NAM 2015

Điều 151. Miễn trách nhiệm của người vận chuyển

3. Chậm trả hàng là việc hàng hóa không được trả trong khoảng thời gian đã thỏa thuận theo hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian hợp lý cần thiết mà người vận chuyển miễn căn có thể trả hàng đối với trường hợp không có thỏa thuận. Người vận chuyển không phải chịu trách nhiệm đối với việc chậm trả hàng trong trường hợp sau đây:

- a) Đi chệch tuyến đường khi đã có sự chấp thuận của người giao hàng;
- b) **Nguyên nhân bất khả kháng;**
- c) Phải cứu người hoặc trợ giúp tàu khác đang gặp nguy hiểm khi tính mạng con người trên tàu có thể bị đe dọa;
- d) Cần thời gian để cấp cứu cho thuyền viên hoặc người trên tàu.

III.

ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC COI LÀ SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 156 Bộ luật dân sự năm 2015, một sự kiện sẽ được coi là bất khả kháng nếu:

- Xảy ra một cách khách quan,
- Không thể lường trước được
- Không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

Ngoài ra, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 351 BLDS 2015, hệ quả về việc bên bị ảnh hưởng không thực hiện được đúng nghĩa vụ quy định trong hợp đồng cũng cần được xét đến trong việc xác định một sự kiện có được coi là bất khả kháng đối với từng trường hợp cụ thể hay không.



III.

ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC COI LÀ SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

01

Thứ nhất, sự kiện xảy ra một cách khách quan

- Bộ luật dân sự năm 2015 không quy định tiêu chí để xác định một sự kiện được xem là xảy ra một cách khách quan.
- Có thể hiểu một sự kiện xảy ra một cách **khách quan** khi sự kiện đó xảy ra không theo ý chí của các bên. Hay sự kiện đó không do các bên tạo ra hoặc phát sinh do lỗi chủ quan của các bên.

Để xác định yếu tố khách quan thì điều quan trọng là xác định bên vi phạm có lỗi chủ quan hay chủ ý để xảy ra sự kiện bất khả kháng hay không

02

Thứ hai, sự kiện xảy ra không thể lường trước được

- Bộ luật dân sự năm 2015 không quy định tiêu chí để xác định một sự kiện xảy ra do các bên không thể lường trước được.
- Có thể hiểu đó là sự kiện xảy ra ngoài dự đoán của các bên mà các bên không thể lường trước được tại thời điểm giao kết hợp đồng.
- Vậy nếu một sự kiện không thể lường trước được tại thời điểm giao kết hợp đồng, nhưng sau đó lại có thể lường trước được trong quá trình thực hiện hợp đồng thì liệu sự kiện đó có còn được coi là bất khả kháng hay không?

Chúng tôi cho rằng, nếu một sự kiện trở nên có thể lường trước được sau thời điểm giao kết hợp đồng thì không nên coi đó là một sự kiện bất khả kháng.

III.

ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC COI LÀ SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

03

Thứ ba, sự kiện xảy ra không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép

- Bộ luật dân sự năm 2015 quy định sự kiện bất khả kháng phải là sự kiện không thể khắc phục được mặc dù bên có nghĩa vụ đã nỗ lực áp dụng mọi biện pháp cần thiết và trong khả năng cho phép để khắc phục tác động của sự kiện đến việc thực hiện hợp đồng.
- Việc không thực hiện được đúng nghĩa vụ hợp đồng căn cứ vào sự kiện bất khả kháng chỉ có thể được chấp nhận nếu sự kiện bất khả kháng đó trên thực tế là nguyên nhân trực tiếp ngăn cản bên có nghĩa vụ thực hiện đúng nghĩa vụ.

IV. DỊCH BỆNH COVID-19 CÓ ĐƯỢC XEM LÀ SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM KHÔNG?

Theo Điều 156 Bộ luật Dân sự 2015 (BLDS 2015)

01

Covid-19 là một dịch bệnh toàn cầu, nó xảy ra một cách khách quan vì không phải do các bên tạo ra hoặc phát sinh do lỗi của các bên trong hợp đồng.

02

Các bên có biết được dịch bệnh Covid-19 xảy ra tại thời điểm ký kết hợp đồng hay không?

- Trong trường hợp các bên ký kết hợp đồng trước khi dịch bệnh Covid-19 được công bố thì có thể xem là sự kiện “không lường trước được” khi ký kết hợp đồng.
- Nếu các bên ký kết hợp đồng sau khi có cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã công bố dịch bệnh Covid-19 thì không thể nói rằng các bên không lường trước được Covid-19 sẽ xảy ra hay không lường trước được cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể sẽ áp dụng các biện pháp phong tỏa, cách ly, giãn cách xã hội do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

Mốc thời gian để xem xét việc ký kết Hợp đồng:

- Trên thế giới, ngày 11/3/2020, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã tuyên bố dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19 do chủng mới của virus corona (SARS-CoV-2) là một đại dịch toàn cầu.
- Ở Việt Nam, ngày 01/4/2020, Thủ tướng Chính phủ đã công bố Covid-19 là bệnh truyền nhiễm nhóm A, nguy cơ ở mức độ đại dịch toàn cầu (theo Quyết định 447/QĐ-TTg năm 2020).

IV. DỊCH BỆNH COVID-19 CÓ ĐƯỢC XEM LÀ SỰ KIẾN BẤT KHẢ KHÁNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM KHÔNG?

Theo Điều 156 Bộ luật Dân sự 2015 (BLDS 2015)

03

Sự kiện xảy ra không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép:

Đối với dịch bệnh Covid-19, để được miễn trừ trách nhiệm, bên bị ảnh hưởng phải chứng minh là đã áp dụng “mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép” để ngăn chặn ảnh hưởng của dịch bệnh trong việc thực hiện hợp đồng nhưng vẫn không thể khắc phục được.

04

- Sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân dẫn đến việc bên bị ảnh hưởng không thực hiện được nghĩa vụ:
- BLDS 2015 không quy định cụ thể về mối quan hệ nhân quả giữa sự kiện bất khả kháng và việc thực hiện hợp đồng. Nếu xét thấy sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp làm bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện đúng nghĩa vụ hợp đồng thì việc không thực hiện được đúng nghĩa vụ hợp đồng căn cứ vào sự kiện bất khả kháng **có thể được chấp nhận**.

IV. DỊCH BỆNH COVID-19 CÓ ĐƯỢC XEM LÀ SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM KHÔNG?

Theo Điều 156 Bộ luật Dân sự 2015 (BLDS 2015)

Kết luận

Với câu hỏi dịch bệnh Covid-19 có được xem là sự kiện bất khả kháng hay không thì không có câu trả lời chính xác cho tất cả các trường hợp, mà phải đánh giá xem xét theo bản chất, hoàn cảnh và bối cảnh của từng giao dịch để xác định xem dịch bệnh Covid-19 có phải là sự kiện bất khả kháng đối với các bên trong hợp đồng.

Cơ quan GQTC nên đánh giá và có cách tiếp cận thận trọng đối các yêu cầu, tuyên bố chấm dứt hoặc hủy bỏ hợp đồng với lý do dịch bệnh Covid-19 như là một sự kiện bất khả kháng hoặc hoàn cảnh thay đổi cơ bản, để tránh việc lợi dụng Covid-19 nhằm chấm dứt hoặc hủy bỏ hợp đồng tràn lan.

MỘT ĐIỂM CẦN LƯU Ý:

Luật Thương mại 2005 quy định: Bên vi phạm hợp đồng được miễn trách nhiệm trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng (điểm (b) khoản 1 Điều 294).

Nhưng Điều 296 LTM 2005 cũng quy định *trong trường hợp bất khả kháng, các Bên có thể thỏa thuận kéo dài thời gian thực hiện nghĩa vụ hợp đồng; [...]*

- ⇒ Trường hợp kéo dài quá các thời hạn nói trên, các Bên có quyền từ chối thực hiện hợp đồng và *không bên nào có quyền yêu cầu Bên kia bồi thường thiệt hại.*
- ⇒ Việc kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều 296 này *không áp dụng đối với hợp đồng mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ có thời hạn cố định về giao hàng hoặc hoàn thành dịch vụ.*

Ngoài ra, theo Điều 295 Luật Thương mại 2005, để được miễn trách nhiệm bên vi phạm phải phải thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng và hậu quả có thể xảy ra, đồng thời có nghĩa vụ chứng minh sự kiện bất khả kháng.

- ⇒ Không phải trong mọi trường hợp khi xảy ra sự kiện bất khả kháng thì bên có nghĩa vụ đều có quyền chấm dứt hợp đồng mà phải xét trường hợp cụ thể.

V. CÁC CÁ NHÂN, TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP CẦN LÀM GÌ ĐỂ GIẢM THIỂU RỦI RO KHI KÝ VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG TRONG THỜI KỲ DỊCH COVID-19

01

Thứ nhất, khi có ý định viện dẫn Covid-19 như là sự kiện bất khả kháng để chấm dứt hợp đồng, bên chấm dứt hợp đồng cần xem xét bối cảnh giao dịch và đối chiếu với các yếu tố cấu thành của sự kiện bất khả kháng, để xem Covid-19 có phải là sự kiện bất khả kháng hay không.

02

Thứ hai, điều khoản bất khả kháng phải được thiết kế và xây dựng một cách chặt chẽ, bao quát được các tình huống có thể xảy ra và cách giải quyết các tình huống đó.

03

Thứ ba, đàm phán sửa đổi bổ sung các điều khoản của hợp đồng đã ký vì lý do hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

Theo quy định của khoản 2, khoản 3 Điều 420 BLDS 2015 trường hợp các bên không thể thỏa thuận được về việc sửa đổi hợp đồng trong một thời hạn hợp lý, một trong các bên có thể yêu cầu Tòa án:

- (i) Chấm dứt hợp đồng tại một thời điểm xác định; **hoặc**
- (ii) Sửa đổi hợp đồng để cân bằng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên do hoàn cảnh thay đổi cơ bản.

Theo khoản 1 Điều 420 BLDS 2015 Được xem là hoàn cảnh thay đổi cơ bản khi có đủ các điều kiện sau:

- (i) Sự thay đổi hoàn cảnh do nguyên nhân khách quan xảy ra sau khi giao kết hợp đồng;
- (ii) Tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên không thể lường trước được về sự thay đổi hoàn cảnh;
- (iii) Hoàn cảnh thay đổi lớn đến mức nếu như các bên biết trước thì hợp đồng đã không được giao kết hoặc được giao kết nhưng với nội dung hoàn toàn khác;
- (iv) Việc tiếp tục thực hiện hợp đồng mà không có sự thay đổi nội dung hợp đồng sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho một bên;
- (v) Bên có lợi ích bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết trong khả năng cho phép, phù hợp với tính chất của hợp đồng mà không thể ngăn chặn, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng đến lợi ích.

01

Năm 1993, tại Bắc Triều Tiên xảy ra lụt lội nghiêm trọng ảnh hưởng tới đời sống và hoạt động sản xuất ở một số ngành.

02

Trong thời gian này có 2 doanh nghiệp Việt Nam (1 ở phía Bắc, 1 ở phía Nam) ký hợp đồng mua bán xi măng với một doanh nghiệp Ấn Độ.

03

Doanh nghiệp Ấn Độ đã mua xi măng của Triều Tiên để giao cho 2 người mua Việt Nam.

04

DNVN ở phía Nam vẫn nhận được hàng bình thường, đúng thời gian giao hàng nhưng DNVN ở phía Bắc thì bị phía DN Ấn Độ xin hủy hợp đồng vì họ xác định lụt lội ở Triều Tiên là sự kiện bất khả kháng.

05

DNVN ở phía Bắc không chấp nhận lý do hủy hợp đồng của người bán Ấn Độ vì họ xuất trình bằng chứng việc tại thời điểm đó DNVN ở phía Nam vẫn nhận được hàng.

06

Trong quá trình giải quyết vụ việc, bên bán Ấn Độ đưa ra giấy chứng nhận bất khả kháng. GCN này do Tham tán thương mại Bắc Triều tiên tại New Dehy ký mà không phải cơ quan có thẩm quyền tại Triều Tiên ký.

Kết quả:

HĐTT đã bác bỏ lập luận của người bán Ấn Độ và chấp nhận yêu cầu mà phía người mua yêu cầu.

01

Công ty Việt Nam và công ty Phi-lip-pin ký hợp đồng mua bán gạo;

02

Tàu biển do người mua thuê đang trên đường đến Hải Phòng để nhận hàng thì người bán cho biết Thủ tướng Việt Nam đã quyết định dừng xuất khẩu gạo từ ngày 24/3/2020 để đảm bảo an ninh lương thực do Covid-19.

03

Người mua cho rằng người bán phải chịu một phần thiệt hại do tàu sắp đến cảng.

04

Người bán cho rằng người mua phải chịu toàn bộ thiệt hại vì không có hàng đến cảng là do sự kiện BKK – Covid-19.



01

Hai công ty ký kết hợp đồng hàng đổi hàng. Theo đó, Công ty Thái Lan chở đường đến Việt Nam để nhận gạo từ Công ty Việt Nam.

02

Theo hợp đồng, Việt Nam phải xin phép xuất khẩu gạo và nhập khẩu đường; phía Thái Lan phải xin giấy phép nhập khẩu gạo.

03

Mặc dù chưa xin được giấy phép xuất khẩu gạo, nhập đường nhưng phía Việt Nam vẫn đề nghị Thái Lan thuê tàu biển chở đường sang để lấy gạo về.

04

Thái Lan đã thuê tàu để chở đường từ cảng Bangkok của Thái Lan.

05

Khi tàu đến cảng thì Việt Nam thông báo với người vận chuyển là không thu xếp được giấy phép nhập khẩu đường và coi đây là sự kiện bất khả kháng nên miễn trách nhiệm bồi thường thiệt hại của người vận chuyển.



XIN CẢM ƠN!

LỚP ĐÀO TẠO

**VẬN TẢI MÙA COVID-19 VÀ NHỮNG LƯU Ý
CHO DOANH NGHIỆP NGÀNH LOGISTICS**

Báo cáo viên: Ông VŨ XUÂN PHONG